

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc: “tranh chấp thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1 *Nguyên đơn*: Ông **Đào Thanh M**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

1.2 *Bị đơn*: Ông **Đào Văn L**, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đào Văn L:

Ông **Đỗ Hiệp Phát**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Trung B, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

1.3 *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà **Đào Thị P**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp Thới Hòa, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Đào Văn T**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Đào Công D**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Đào Công N**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Đào Thị Thu T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Đào Thị Kim L**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Đào Văn T**, sinh năm: 1963, chết năm: 2012.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đào Văn T:

Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1964 (vợ ông Tám).

Ông **Đào Thanh M1**, sinh năm: 1986 (con ông Tám).

Ông **Đào Văn T**, sinh năm: 1989 (con ông Tám).

Cùng địa chỉ: ấp Phú An, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Đào Văn B**, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: ấp 2, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Đào Thị M**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp 3, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Đào Thị P**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp Đồng, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Đào Thị Thanh T1**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: số 252A, khu vực Yên Thạnh, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Ông Đào Công N, ông Đào Công D, ông Đào Văn T, bà Đào Thị M, bà Đào Thị Thanh T1, bà Đào Thị P, ông Đào Thanh M (sinh năm 1980), bà Đào Thị Thu T, bà Đào Thị Kim L, ông Đào Văn B cùng ủy quyền cho bà Đào Thị P tham gia tố tụng.

Bà Nguyễn Thị P và ông Đào Thanh M1 (sinh năm: 1986) uỷ quyền cho ông Đào Văn T tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia di sản thừa kế do ông Đào Văn Lấn và bà Lê Thị Mễ để lại theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 8, diện tích 1637,6m², loại đất LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cụ thể:

- Ông Đào Văn L được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thửa 216a1, diện tích 133m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Văn T được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thửa 216b1, diện tích 125m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị P, ông Đào Thanh M (sinh năm 1986), ông Đào Văn T được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216c1, diện tích 124m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Công D được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216d1, diện tích 124,4m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Văn B được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216e1, diện tích 55,4m² và thửa 216f, diện tích 105,7m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đào Thị P được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216g, diện tích 115,8m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đào Thị M được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216h, diện tích 132,8m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đào Thị Kim L được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216i, diện tích 139,1m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Công N được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216k, diện tích 156m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Thanh M (sinh năm 1980) được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216l, diện tích 163,9m², tờ bản đồ số 8, mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đào Thị P được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thuộc thửa 216m, diện tích 164,6m², tờ bản đồ số 8 và thửa 216n, diện tích 85,1m², mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

(Có Hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án kèm theo).

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất, không yêu cầu bồi hoàn công sức quản lý đất.

Các phần đất trên có diện tích ít hơn diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định. Tuy nhiên, thửa đất này là phần di sản của cha mẹ (ông Đào Văn Lấn, bà Lê Thị Mễ) để lại. Quá trình giải quyết vụ án, những người trong hàng thừa kế của ông Lấn, bà Mễ đều có nhu cầu nhận đất để sử dụng (thể hiện ở việc đo đạc lại nhiều lần). Nhận thấy, cần thiết phải tách thửa để giải quyết dứt điểm vụ án và đảm bảo quyền lợi của đương sự. Do đó, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục tách thửa phần đất nêu trên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự khi có yêu cầu.

2.2 Bà Đào Thị Pha được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 217, tờ bản đồ số 8, diện tích 238,5m², mục đích sử dụng đất: LUC, tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Đào Thị P có nghĩa vụ giao cho ông Đào Văn L số tiền 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đối với phần đất được chia thừa kế.

2. 3. Đình chỉ đối với yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 122, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.868m² cùng tọa lạc tại xã Châu Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1 Bà Đào Thị P, ông Đào Văn B và ông Đào Văn L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2 Ông Đào Văn T phải chịu án phí là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.3 Bà Nguyễn Thị P, ông Đào Thanh M1 (sinh năm 1986), ông Đào Văn T phải liên đới chịu 6.200.000 (sáu triệu hai trăm nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.4 Ông Đào Công D phải chịu án phí là 6.220.000 (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.5 Bà Đào Thị P phải chịu án phí là 5.790.000 (năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.6 Bà Đào Thị M phải chịu án phí là 6.640.000 (sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.7 Bà Đào Thị Kim L phải chịu án phí là 6.955.000 (sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.8 Ông Đào Công N phải chịu án phí là 7.800.000 (bảy triệu tám trăm nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

2.4.9 Ông Đào Thanh M (sinh năm 1980) phải chịu án phí là 8.195.000 (tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng, án phí lệ phí Tòa án số 0000388 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, ông M còn phải nộp 7.695.000 (bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

2.5. Về chi phí tố tụng (chi phí đo đạc, định giá): tổng cộng là 28.922.500 (hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng, các bên đã nộp xong, không tranh chấp hay khiếu nại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đăng